

Bản án số: 161/2024/DS-PT

Ngày 10 - 4 - 2024

V/v Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Bùi Thị Phương Loan**Các Thẩm phán:** Ông Đặng Minh Trung

Bà Hoàng Thị Hải Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc: “Tranh chấp chia thừa kế và hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 428/2023/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 53/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn:

1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1953 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Tân Hòa, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Đỗ Kim P, sinh năm 1967 (có mặt).

3. Bà Đỗ Kim D1, sinh năm 1961 (có mặt).

4. Bà Đỗ Thị L1, sinh năm 1954 (có mặt).

5. Ông Đỗ Trung H, sinh năm 1965.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Đỗ Kim P, sinh năm 1967 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

-Bị đơn: Ông Đỗ Văn U, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn D2, sinh năm 1974 (có mặt).
 2. Bà Huỳnh Thị V, sinh năm 1975 (vắng mặt).
 3. Ông Mai Thanh D3, sinh năm 1966 (vắng mặt).
 4. Bà Lê Thị L2, sinh năm 1968 (vắng mặt).
- Cùng địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..
- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Văn U là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Đỗ Kim P, bà Đỗ Thị T bà Đỗ Thị L1, bà Đỗ Kim D1, Đỗ Trung H trình bày: Cha mẹ là ông Đỗ Hữu Khuynh và bà Lê Thị Tư khai phá được tổng diện tích đất là 46.869m², tọa lạc tại ấp Kinh Hăng C, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, phần đất được cấp thành 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Khuynh và bà Tư. Ông Khuynh và bà Tư có 08 người con gồm Đỗ Văn Bửu và Đỗ Kim Thoại đều qua đời khi chưa có gia đình. Còn lại bà Đỗ Kim P, bà Đỗ Kim D1, bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Trung H và ông Đỗ Văn U.

Vào năm 2010, ông Khuynh qua đời nên bà Tư có khởi kiện ông U để yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và chia thừa kế phần di sản của ông Khuynh theo quy định pháp luật. Khi Tòa án tiến hành đo đạc thì diện tích đất thực tế được xác định là 45.725,75m² (Ít hơn diện tích đất theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp). Bản án số 73/2013/DS-ST ngày 20/12/2013 của TAND huyện Trần Văn Thời xác định di sản của ông Khuynh diện tích đất 18.974,4m². Do bà D1, bà L1, ông H, ông U từ chối nhận di sản thừa kế nên Tòa án chỉ chia di sản của ông Khuynh thành ba phần cho ba người bao gồm bà Tư, bà P và bà T, mỗi người được chia diện tích đất 6.324,8m². Bà P và bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất được chia. Tổng diện tích đất bà Tư được chia theo Bản án là 25.299,2m² (Trong đó có ½ tài sản chung của ông Khuynh và bà Tư là 18.974,4m² và phần di sản bà Tư được chia là 6.324,8m²). Vào năm 2017, bà Tư đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D2 diện tích đất 1.846,8m² nên diện tích đất còn lại theo 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 23.445,6m² nhưng diện tích đất theo đo đạc thực tế hiện nay là 21.529,6m² do ông Đỗ Văn U đang quản lý. Do bà Tư qua đời năm 2021 không để lại di chúc nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất là di sản của bà Tư. Các nguyên đơn thống nhất giao cho ông U phần đất hương hỏa diện tích 2.446m² để ông U quản lý, sử dụng vào việc thờ cúng. Ngoài ra, các nguyên đơn thừa nhận khi bà Tư còn sống có hứa cho ông U phần đất chiều ngang 27m, chiều dài 41m diện tích là 1.107m² cấp với đất ông Mai Thanh D3. Khi Tòa án xét xử vào năm 2013 ông U xác định không nhận diện tích đất này. Nay ông U yêu cầu được nhận thì các nguyên đơn đồng ý nhưng với điều kiện ông U phải nhận đất về một phía với đất hương hỏa, để phần mặt tiền cấp đất ông D3 cho anh chị khác có đường đi vào phần đất được chia thừa kế để canh tác. Sau khi trừ đi diện tích đất

hương hỏa và diện tích đất bà Tư đã tặng cho ông U thì bà Tư còn lại diện tích đất 17.976,6m² các nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất của bà Tư là 06 người con bao gồm bà T, bà P, bà D1, bà L1, ông H và ông U. Theo đó, mỗi người được nhận diện tích đất 2.996,1m² để canh tác. Đối với tài sản là căn nhà do bà Tư xây cất hiện nay ông U đang quản lý sử dụng nằm trong phần đất hương hỏa nên không yêu cầu chia và thống nhất giao cho ông U tiếp tục quản lý, sử dụng. Đối với cây trồng trên đất, các nguyên đơn yêu cầu ai được hưởng đất thì hưởng cả cây trồng trên đất.

- *Bị đơn, ông Đỗ Văn U trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về diện tích đất tranh chấp và thống nhất những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tư là bà T, bà P, bà D1, bà L1, ông H và ông U. Vào năm 2005, ông Khuynh và bà Tư có tặng cho ông 05 công đất ruộng và phần đất chiều ngang 27m, chiều dài 41m, diện tích 1.107m² cặp với đất ông Mai Thanh D3, việc tặng cho không có giấy tờ nhưng tất cả anh chị em trong gia đình đều biết và thống nhất, ông chưa tách quyền sử dụng đối với hai phần đất này. Hiện nay ông yêu cầu được nhận hai phần đất đã được ông Khuynh và bà Tư tặng cho nêu trên và yêu cầu để lại diện tích đất hương hỏa là 10.000m² để ông quản lý, sử dụng thờ cúng vì ông là con trai út hiện đang có trách nhiệm thờ cúng bốn người gồm ông Khuynh, bà Tư, ông Bửu và bà Thoại. Phần đất còn lại của bà Tư ông đồng ý chia thừa kế cho 06 anh chị em của ông gồm bà T, bà L1, bà D1, ông H, bà P và ông U. Ông đồng ý nhận hai phần đất được tặng cho nêu trên về cùng một phía với đất hương hỏa, để phần mặt tiền cặp đất ông D3 cho anh chị khác có đường đi vào để canh tác. Hiện nay ông đang trực tiếp quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại của bà Tư và giữ 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện nay không thể chấp tại bất kỳ tổ chức tín dụng nào. Trong phần đất ông đang quản lý có phần đất 05 công tầm lớn diện tích 6.480m² do ông được ông Khuynh và bà Tư cho vào năm 2005 hiện ông đang cố cho vợ chồng ông D2 và bà V vào năm 2011 với giá 2,5 lượng vàng 24k. Hiện nay ông chưa có khả năng chuộc lại phần đất cố nên vợ chồng ông D2 sẽ tiếp tục canh tác, khi nào có khả năng thì ông sẽ trả vàng và chuộc đất lại.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn D2 và bà Huỳnh Thị V trình bày:* Vào ngày 30/02/2011, ông D2 và bà V có nhận cố của ông Đỗ Văn U phần đất 05 công tầm lớn, diện tích 6.480m² với giá 2,5 lượng vàng 24k. Hiện nay, do phần đất phát sinh tranh chấp chia thừa kế nên yêu cầu Tòa án giải quyết Huỷ hợp đồng cố đất lập ngày 30/02/2011 để buộc ông U trả 2,5 lượng vàng 24k, ông D2 và bà V đồng ý trả lại đất cho ông U.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 428/2023/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Kim P, bà Đỗ Kim D1, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Trung H về việc chia thừa kế di sản của bà Lê Thị Tư theo pháp luật.

- Giao diện tích đất 2.446m² cho ông Đỗ Văn U quản lý để thực hiện việc thờ cúng (Trong đó, bao gồm 300m² đất ở tại nông thôn và 2.146m² đất trồng cây lâu năm). Mốc M34-M8 bằng 31.25m, M8-M9 bằng 78.05m, M9-M29 bằng 12.12m, M29-M28 bằng 19.14m, M28-M34 bằng 79.16m.

- Chia cho ông Đỗ Văn U diện tích đất 4.524,8m² (Đất trồng lúa), Mốc M29-M9 bằng 12.12m, M9-M10 bằng 379.24m, M10-M11 bằng 11.93m, M11-M29 bằng 378.44m.

- Chia cho bà Đỗ Kim D1 diện tích đất 3.417,9m² (Trong đó, bao gồm 724,3m² đất trồng cây lâu năm và 2.693,6m² đất trồng lúa). Mốc M33-M34 bằng 9.59m, M34-M28 bằng 79.16m, M28-M27 bằng 8.75m, M27-M33 bằng 79.58m, Mốc M20-M26 bằng 11.88m, M26-M27 bằng 7.02m, M27-M28 bằng 8.75m, M28-M29 bằng 19.14m, M29-M11 bằng 378.44m, M11-M12 bằng 43.99m, M12-M13 bằng 19.96m, M13-M16 bằng 39.83m, M16-M21 bằng 345.64m, M21-M20 bằng 30.73m.

- Chia cho ông Đỗ Trung H diện tích đất 3.417,8m² (Trong đó, bao gồm 724,2m² đất trồng cây lâu năm và 2.693,6m² đất trồng lúa). Mốc M32-M33 bằng 9.20m, M33-M27 bằng 79.58m, M27-M26 bằng 7.02m, M26-M25 bằng 2.05m, M25-M32 bằng 79,92. Mốc M19-M20 bằng 15.96m, M20-M21 bằng 30.73m, M21-M16 bằng 345.64m, M16-M13 bằng 39.83m, M13-M14 bằng 23.01m, M14-M17 bằng 35.50m, M17-M22 bằng 303.53m, M22-M19 bằng 26.48m.

- Chia cho bà Đỗ Thị L1 diện tích đất 3.417,7m² (Trong đó, bao gồm 724,1m² đất trồng cây lâu năm và 2.693,6m² đất trồng lúa). Mốc M31-M32 bằng 9.10m, M32-M25 bằng 79.92m, M25-M24 bằng 9.07m, M24-M31 bằng 80.24m. Mốc M18-M19 bằng 40.42m, M19-M22 bằng 26.48m, M22-M17 bằng 303.53m, M17-M14 bằng 35.50m, M14-M15 bằng 31.50m, M15-M3 bằng 31.52m, M3-M4 bằng 250.36m, M4-M18 bằng 22.27m

- Chia cho bà Đỗ Thị T diện tích đất 2.152,7m² (Trong đó, bao gồm 724,1m² đất trồng cây lâu năm và 1.428,6m² đất trồng lúa). Mốc M30-M31 bằng 9.04m, M31-M24 bằng 80.24m, M24-M23 bằng 9.05m, M23-M30 bằng 80.58m. Mốc M6-M23 bằng 9.03m, M23-M24 bằng 9.05m, M24-M25 bằng 9.07m, M25-M26 bằng 2.05m, M26-M20 bằng 11.88m, M20-M19 bằng 15.96m, M19-M18 bằng 40.42m, M18-M5 bằng 29.11m, M5-M6 bằng 50.11m.

- Chia cho bà Đỗ Kim P diện tích đất 2.152,7m² (Trong đó, bao gồm 724,1m² đất trồng cây lâu năm và 1.428,6m² đất trồng lúa). Mốc M7-M30 bằng 9.02m, M30-M23 bằng 80.58m, M23-M6 bằng 9.03m, M6-M7 bằng 80.91m. Mốc M2-M15 bằng 19.72m, M15-M14 bằng 31.50m, M14-M13 bằng 23.01m, M13-M12 bằng 19.96m, M12-M1 bằng 19.95m, M1-M2 bằng 70.49m. (Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 30/11/2023 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam).

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D2 và bà Huỳnh Thị V.

Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 30/02/2011 giữa ông Nguyễn Văn D2, bà Huỳnh Thị V và ông Đỗ Văn U vô hiệu.

- Buộc ông Nguyễn Văn D2, bà Huỳnh Thị V giao diện tích đất cầm cố theo đo đạc thực tế 7.086,9m², tọa lạc tại ấp Kinh Hăng C, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau cho những người thừa kế của bà Lê Thị Tư.

- Buộc ông Đỗ Văn U hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D2, bà Huỳnh Thị V 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 24K.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/12/2023 bị đơn là ông Đỗ Văn U kháng cáo yêu cầu công nhận phần đất 05 công tằm lớn cho ông U do phần đất này ông U được ông Khuynh và bà Tư tặng cho vào năm 2005 và yêu cầu để phần đất làm đất hương hỏa để ông U quản lý thờ cúng là 10.000m². Diện tích đất còn lại sẽ được chia theo quy định pháp luật cho 06 anh chị em của ông là bà T, bà L1, bà D1, ông H, bà P và ông U.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông U giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông U, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn U, Hội đồng xét xử xét thấy: Các đương sự đều thừa nhận những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Tư và ông Khuynh là ông Đỗ Văn U và 5 nguyên đơn là bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Kim P, bà Đỗ Kim D1, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Trung H. Di sản của ông Khuynh và bà Tư được phân chia tại Bản án sơ thẩm số 73/2013/DS-ST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Phần đất bà Tư được chia diện tích đất là 18.974,875 m² là tài sản của bà Tư trong khối tài sản chung của vợ chồng bà Tư và ông Khuynh và giao cho bà Tư phần đất diện tích 7.776m² để bà Tư trả cho ông D2 và bà V 50 chỉ vàng 24k và 40.000.000 đồng để chuộc lại đất cổ. Phần đất là di sản của ông Khuynh là 18.974,64 m² được chia cho bà Tư, bà P và bà T mỗi người diện tích đất là 6.324,88m² lý do ông U, bà D1, bà L1, ông H từ chối nhận di sản của ông Khuynh. Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/6/2014, bà Tư rút yêu cầu khởi kiện, ông U rút yêu cầu kháng cáo nên Bản án phúc thẩm số 144/2014/DS-PT ngày 30/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã hủy một phần bản án sơ thẩm và đình chỉ đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Tư. Phần diện tích đất bà T và bà P mỗi người được chia là 6.324,88m² bà T và bà P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy phần di sản của ông Khuynh và phần đất của bà Tư chưa được giải quyết lại. Đến ngày 24/3/2021 bà Tư qua đời nên hiện nay các đương sự thông nhất toàn bộ diện tích đất là di sản của bà Tư và ông Khuynh còn

lại theo đo đạc thực tế là 21.529,6m² do ông U đang quản lý và sử dụng.

Ông U cho rằng trên diện tích đất còn lại hiện nay ông U đang quản lý có phần đất 05 công tằm lớn diện tích 6.480m² do ông U được ông Khuynh và bà Tư tặng cho vào năm 2005 nên ông U đã cố cho ông D2 và bà V vào năm 2011 với giá 25 chỉ vàng 24k nhưng tại Bản án số 73/2013/DS-ST ngày 20/12/2013 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, bà Tư xác định cho ông U mượn 05 công đất để cố cho ông D2 và bà V. Ông U cũng thừa nhận bà Tư cho ông U mượn 05 công đất vào năm 2011 để cố cho ông D2 và bà V với giá 25 chỉ vàng 24k. Hiện nay, ông U cho rằng được cha mẹ tặng cho 05 công đất vào năm 2005 đến năm 2011 thì cố 05 công đất cho ông D2 và bà V nhưng ông U không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc ông U được tặng cho đất. Các nguyên đơn đều không thừa nhận việc ông U được tặng cho như ông U trình bày. Do đó, hiện nay ông U yêu cầu công nhận cho ông U phần đất 05 công đất với diện tích 6.480m² là không có cơ sở chấp nhận. Đối với phần đất ông U được tặng cho chiều ngang 27m, chiều dài 41m, diện tích 1.107m² hiện nay được các anh chị em ông U thừa nhận nên cấp sơ thẩm đã chia phần đất này cho ông U là phù hợp. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông U về việc ông U yêu cầu công nhận phần đất được tặng cho là 05 công đất với diện tích 6.480m².

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông U về việc yêu cầu để lại diện tích đất là 10.000m² để ông U sử dụng và dùng vào việc thờ cúng.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông U cho rằng đang thờ cúng ông Khuynh, bà Tư, bà Thoại và ông Bửu nên yêu cầu được chia mỗi kỳ phần thờ cúng là 2.500m². Tuy nhiên, phần đất của ông Khuynh và bà Tư qua đời để lại ông U đang quản lý sử dụng theo đo đạc thực tế hiện nay là 21.529,6m² nhưng các nguyên đơn đã thống nhất chia cho ông U là 1.107 m², nên phần di sản còn lại là 20.422,6m². Nhưng ông U yêu cầu chia cho ông U 10.000m² để làm di sản thừa kế là không có cơ sở. Hiện nay, ông U đang quản lý diện tích đất 2.446m² bao gồm căn nhà hiện ông U ở và thờ cúng và khu đất mộ. Các nguyên đơn thống nhất giao cho ông U phần đất và nhà có diện tích đất 2.446m² để làm di sản thờ cúng nên cấp sơ thẩm chia ông U phần đất diện tích 2.446m² bao gồm căn nhà hiện ông U ở và thờ cúng và khu đất mộ để làm di sản thờ cúng là phù hợp. Do đó ông U kháng cáo yêu cầu chia cho ông U diện tích đất là 10.000m² để dùng vào việc thờ cúng là không có cơ sở nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Xét thấy, phần đất là di sản của ông Khuynh đã qua đời đã được chia cho bà T và bà P, thực tế bà T và bà P mỗi người đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích là 6.324,8m², phần đất còn lại của ông Khuynh diện tích 6.324,8m², cấp sơ thẩm không chia cho bà T và bà P, mà chia đều cho bà Tư, bà L1, bà D1, ông H, ông U mỗi người được chia diện tích đất là 1.265m² là phù hợp.

[4] Phần di sản của bà Tư và ông Khuynh do ông U đang quản lý là 21.529,6m² được trừ phần đất bà L1, bà D1, ông H, ông U mỗi người được chia diện tích đất là 1.265m², tổng diện tích đất bà L1, bà D1, ông H, ông U được chia

trên phần đất là di sản của ông Khuynh là 5.060m^2 nên phần di sản của bà Tư còn lại là $16.469,6\text{m}^2$ ($21.529,6\text{m}^2 - 5.060\text{m}^2 = 16.469,6\text{m}^2$)

[5] Phần di sản của bà Tư $16.469,6\text{m}^2$ sau khi trừ đi diện tích đất ông U được tặng cho là 1.107m^2 và diện tích đất ông U được chia để thờ cúng là 2.446m^2 nên di sản của bà Tư còn lại diện tích đất là $12.916,6\text{m}^2$ ($16.469,6\text{m}^2 - 1.107\text{m}^2 - 2.446\text{m}^2 = 12.916,6\text{m}^2$).

[6] Phần di sản bà Tư diện tích đất là $12.916,6\text{m}^2$ cấp sơ thẩm chia thừa kế theo pháp luật cho ông U, bà T, bà P, bà D1, bà L1, ông H mỗi người diện tích $2.152,7\text{m}^2$ là phù hợp.

[7] Như vậy, ông U được chia diện tích đất 2.446m^2 để thực hiện việc thờ cúng bao gồm phần đất có nhà ở và khu đất mộ. Ông U được chia diện tích đất 1.107m^2 là phần đất được tặng cho, ông U được chia một phần di sản của ông Khuynh là 1.265m^2 và một phần di sản của bà Tư là $2.152,7\text{m}^2$. Bà D1 được chia phần di sản của ông Khuynh diện tích đất 1.265m^2 , phần được chia từ di sản của bà Tư là diện tích đất $2.152,7\text{m}^2$. Ông H được chia phần di sản của ông Khuynh diện tích đất là 1.265m^2 , phần được chia từ di sản của bà Tư là diện tích đất $2.152,7\text{m}^2$. Bà L1 được chia phần di sản của ông Khuynh diện tích đất là 1.265m^2 , phần được chia từ di sản của bà Tư là diện tích đất là $2.152,7\text{m}^2$. Bà T được chia phần di sản của bà Tư diện tích đất là $2.152,7\text{m}^2$. Bà P được chia phần di sản của bà Tư diện tích đất là $2.152,7\text{m}^2$. Xét thấy bản án sơ thẩm đã phân chia thừa kế theo pháp luật đối với phần di sản của bà Tư và ông Khuynh cho bà T và bà P, bà L1, bà D1, ông H, ông U là phù hợp.

[8] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông U không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của ông U nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông U.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông U không được chấp nhận nên ông U phải chịu theo quy định.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đỗ Văn U. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 428/2023/DS-ST ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Kim P, bà Đỗ Kim D1, bà Đỗ Thị L1, ông Đỗ Trung H về việc chia thừa kế di sản của bà Lê Thị Tư theo pháp luật phân đất tọa lạc tại ấp Kinh Hăng C, xã Khánh Hưng, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Giao diện tích đất 2.446m^2 , cho ông Đỗ Văn U quản lý để thực hiện việc thờ cúng (Trong đó, bao gồm 300m^2 đất ở tại nông thôn và 2.146m^2 đất trồng cây lâu năm). Mốc M34-M8 bằng 31.25m, M8-M9 bằng 78.05m, M9-M29 bằng 12.12m, M29-M28 bằng 19.14m, M28-M34 bằng 79.16m (Thửa 1).

- Chia cho ông Đỗ Văn U diện tích đất $4.524,8\text{m}^2$ (Đất trồng lúa).

Mốc M29-M9 bằng 12.12m, M9-M10 bằng 379.24m, M10-M11 bằng 11.93m, M11-M29 bằng 378.44m (Thửa 2).

- Chia cho bà Đỗ Kim D1 diện tích đất $3.417,9\text{m}^2$ (Trong đó, bao gồm $724,3\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm và $2.693,6\text{m}^2$ đất trồng lúa). Mốc M33-M34 bằng 9.59m, M34-M28 bằng 79.16m, M28-M27 bằng 8.75m, M27-M33 bằng 79.58m (Thửa 12).

Mốc M20-M26 bằng 11.88m, M26-M27 bằng 7.02m, M27-M28 bằng 8.75m, M28-M29 bằng 19.14m, M29-M11 bằng 378.44m, M11-M12 bằng 43.99m, M12-M13 bằng 19.96m, M13-M16 bằng 39.83m, M16-M21 bằng 345.64m, M21-M20 bằng 30.73m (Thửa 3)

- Chia cho ông Đỗ Trung H diện tích đất $3.417,8\text{m}^2$ (Trong đó, bao gồm $724,2\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm và $2.693,6\text{m}^2$ đất trồng lúa). Mốc M32-M33 bằng 9.20m, M33-M27 bằng 79.58m, M27-M26 bằng 7.02m, M26-M25 bằng 2.05m, M25-M32 bằng 79.92 (Thửa 11).

Mốc M19-M20 bằng 15.96m, M20-M21 bằng 30.73m, M21-M16 bằng 345.64m, M16-M13 bằng 39.83m, M13-M14 bằng 23.01m, M14-M17 bằng 35.50m, M17-M22 bằng 303.53m, M22-M19 bằng 26.48m (Thửa 4)

- Chia cho bà Đỗ Thị L1 diện tích đất $3.417,7\text{m}^2$ (Trong đó, bao gồm $724,1\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm và $2.693,6\text{m}^2$ đất trồng lúa). Mốc M31-M32 bằng 9.10m, M32-M25 bằng 79.92m, M25-M24 bằng 9.07m, M24-M31 bằng 80.24m (Thửa 10).

Mốc M18-M19 bằng 40.42m, M19-M22 bằng 26.48m, M22-M17 bằng 303.53m, M17-M14 bằng 35.50m, M14-M15 bằng 31.50m, M15-M3 bằng 31.52m, M3-M4 bằng 250.36m, M4-M18 bằng 22.27m (Thửa 5)

- Chia cho bà Đỗ Thị T diện tích đất $2.152,7\text{m}^2$ (Trong đó, bao gồm $724,1\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm và $1.428,6\text{m}^2$ đất trồng lúa). Mốc M30-M31 bằng 9.04m, M31-M24 bằng 80.24m, M24-M23 bằng 9.05m, M23-M30 bằng 80.58m (Thửa 9).

Mốc M6-M23 bằng 9.03m, M23-M24 bằng 9.05m, M24-M25 bằng 9.07m, M25-M26 bằng 2.05m, M26-M20 bằng 11.88m, M20-M19 bằng 15.96m, M19-M18 bằng 40.42m, M18-M5 bằng 29.11m, M5-M6 bằng 50.11m (Thửa 7)

- Chia cho bà Đỗ Kim P diện tích đất 2.152,7m² (Trong đó, bao gồm 724,1m² đất trồng cây lâu năm và 1.428,6m² đất trồng lúa). Mốc M7-M30 bằng 9.02m, M30-M23 bằng 80.58m, M23-M6 bằng 9.03m, M6-M7 bằng 80.91m (Thửa 8).

Mốc M2-M15 bằng 19.72m, M15-M14 bằng 31.50m, M14-M13 bằng 23.01m, M13-M12 bằng 19.96m, M12-M1 bằng 19.95m, M1-M2 bằng 70.49m, (Thửa 6).

Kèm theo Trích đo hiện trạng ngày 30/11/2023 của Công ty TNHH Phát triển Xanh Việt Nam.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D2, bà Huỳnh Thị V.

Tuyên bố hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất ngày 30/02/2011 giữa ông Nguyễn Văn D2, bà Huỳnh Thị V và ông Đỗ Văn U vô hiệu.

- Buộc ông Nguyễn Văn D2, bà Huỳnh Thị V giao diện tích đất cầm cố theo đo đạc thực tế 7.086,9m² cho những người thừa kế của bà Lê Thị Tư.

- Buộc ông Đỗ Văn U trả cho ông Nguyễn Văn D2, bà Huỳnh Thị V 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 24k.

3. Chi phí tố tụng:

Chi phí tố tụng:

- Bà Đỗ Kim P phải tự chịu số tiền 3.120.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), bà P đã dự nộp và thực hiện xong.

- Bà Đỗ Thị T phải tự chịu số tiền 3.120.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), bà T đã dự nộp và thực hiện xong.

- Bà Đỗ Thị L1 phải tự chịu số tiền 3.120.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), bà L1 đã dự nộp và thực hiện xong.

- Ông Đỗ Trung H phải tự chịu số tiền 3.120.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng), ông H đã dự nộp và thực hiện xong.

- Bà Đỗ Kim D1 phải hoàn trả cho bà Đỗ Kim P số tiền 3.120.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

- Ông Đỗ Văn U phải hoàn trả cho bà Đỗ Kim P số tiền 3.120.000 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị T, bà Đỗ Kim D1, bà Đỗ Thị L1 được miễn án phí.

- Bà Đỗ Kim P phải chịu số tiền 3.591.000 đồng (Ba triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng). Ngày 04/7/2022, bà P đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền

2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005080 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), bà P còn phải nộp tiếp số tiền 966.000 đồng (Chín trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- Ông Đỗ Trung H phải chịu số tiền 5.489.000 đồng (Năm triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng). Ngày 04/7/2022, ông H đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005081 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được đối trừ chuyển thu 2.625.000 đồng (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), ông H còn phải nộp tiếp số tiền 2.864.000 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

- Ông Đỗ Văn U phải chịu tổng số tiền 13.987.000 đồng (Mười ba triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng), chưa nộp.

- Ông Nguyễn Văn D2, bà Huỳnh Thị V không phải chịu án phí. Ngày 05/10/2023, ông D2, bà V đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 3.406.000 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007434 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn U phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/12/2023 ông U đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004278 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi Cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Phương Loan

